

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST.

Ngày: 21 - 5 - 2019

*V/v: Tranh chấp
thừa kế tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Ông Nguyễn Thanh Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST – DS, ngày 25/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th1; địa chỉ: Xóm 17, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn: Ông Chu Tuấn H – Luật sư; địa chỉ: Văn phòng luật sư Trung Tâm thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định; là đại diện theo ủy quyền; “có mặt”.

Bị đơn:

1. Ông Trần Văn V; địa chỉ: Xóm 17, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

2. Ông Trần Ngọc L; địa chỉ: Xóm 17, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc L: Ông Trần Văn V; “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Th; địa chỉ: Xóm 15 xã C, huyện B, tỉnh Nam Định; “có mặt”

2. Ông Trần Văn L; địa chỉ: Tổ 1 thị trấn M, huyện N, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L: Bà Trần Thị Th (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan); “có mặt”.

3. Bà Roãn Thị T; địa chỉ: Xóm 17, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định.

4. Anh Trần Văn H; địa chỉ: Xóm 17, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định.

5. Anh Trần Văn T; địa chỉ: Xóm 17, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định.

6. Chị Trần Thị H; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

7. Chị Trần Thị M; địa chỉ: Xóm Bắc Cường, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định.

8. Chị Trần Thị Th3; địa chỉ: Xóm 9, xã D, huyện B, tỉnh Nam Định.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Roãn Thị T, anh Trần Văn H, anh Trần Văn T, chị Trần Thị H, chị Trần Thị M và chị Trần Thị Th3: Ông Trần Văn V (bị đơn); là đại diện theo ủy quyền; “có mặt”.

- Bà Trần Thị V; địa chỉ: Xóm 17, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 14 tháng 12 năm 2018, Bản tự khai cùng các lời khai khác tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Th1 (cũng như người đại diện theo ủy quyền là ông Chu Tuấn H) trình bày:

Bố bà Th1 là cụ Trần Văn Toán (chết năm 2006), mẹ là cụ Nguyễn Thị Kén (chết năm 2007) đều không để lại di chúc. Hai cụ sinh được 06 người con là: Ông Trần Văn V, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Th, ông Trần Văn L, ông Trần Văn T1 (đã chết năm 2018) và bà Trần Thị Th1. Ông T có vợ là bà Roãn Thị T và có 5 con là: anh Trần Văn H, anh Trần Văn T; chị Trần Thị H, chị Trần Thị M và chị Trần Thị Th3.

Năm 1998 khi bà Th1 ở cùng với bố mẹ, bà và bố mẹ bà đã làm thủ tục kê khai để được cấp là 370m² (bao gồm 180m² đất ở và 190 m² đất ao) tại tờ bản đồ số 8, thửa đất số 114, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Trần Văn Toán. Trên mảnh đất có nhà cấp 4 hai gian lợp ngói và công trình phụ bố mẹ bà sử dụng. Bà Th1 sống cùng hai cụ Toán từ nhỏ, đến năm 1998 bà Th1 kết hôn với ông Giáp ở xã Hoành Sơn được khoảng 1 tháng thì bà Th1 ly hôn rồi lại tiếp tục về ở với bố mẹ. Bà Th1 có mua đất ở gần nhà năm 2003, rồi xây nhà nhưng vẫn ở với hai cụ, đến năm 2015 thì bà Th1 bán đất

đã mua rồi xây nhà mới tiếp tục ở trên đất tranh chấp đến bây giờ. Ngày 16/8/2004 bố mẹ bà có họp gia đình và chia cho bà 108 m² đất ở (03 miếng) để làm nhà ở. Trong biên bản họp gia đình, có ông Toàn không nhất trí và bỏ về vì ông Toàn không nhất trí cấp đất cho ông V. Biên bản được lập năm 2004 thì khi đó cụ ông và cụ bà đều còn sống nhưng cụ Kén không tham gia và không có chữ ký trong biên bản. Quá trình bố mẹ bà còn sống một mình bà chăm sóc phụng dưỡng bố mẹ, ông Trần Văn V và ông Trần Ngọc L hoàn toàn không có trách nhiệm. Năm 2015 bà đã làm nhà ở trên khoảng 80m² đất của hộ gia đình mà bà là thành viên. Phần đất giáp nhà thờ và phần nhà phụ bán mái phía sau bà Th1 đang sử dụng làm mái lợp tôn là đất mượn tạm đất chung. Khi xây nhà thì bà đã mượn địa chính xã đo lại, phần đất của bà được xác định chạy dọc theo nhà sang phần đất ao, khi đo thì bà đo làm nhà thì chiều ngang là 4m10 chạy ra phần ao khoảng vài mét. Việc cắt đất cho ông V là có điều kiện là anh chị ông V phải có trách nhiệm phụng dưỡng bố mẹ, mua gỗ làm quan tài. Ông V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, khi bố mẹ ốm đau cũng như bố mẹ chết thì toàn bộ các anh em đều chăm sóc, tập trung vào lo liệu chứ không chỉ có một mình ông V. Vì vậy, ông V không thể được hưởng hết đất còn lại sau khi đã cắt cho bà 108m² như Biên bản ngày 16/4/2004 mà ông V yêu cầu. Đến nay hai ông Trần Văn V và Trần Ngọc L chưa được sự nhất trí của các anh chị em đã tự ý chiếm đoạt luôn phần đất còn lại của bố mẹ bà. UBND xã Giao Hải đã xem xét giải quyết và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành và yêu cầu ông Trần Văn V và ông Trần Ngọc L dừng xây dựng trái phép trên phần đất đã có tranh chấp. Tuy nhiên hai ông Trần Văn V và Trần Ngọc L vẫn cố tình xây dựng hòng chiếm đoạt phần đất còn lại của bố mẹ bà. Ngoài ra, không có việc cụ Toán viết giấy bán đất cho ông V năm 2002 như ông V đưa ra, vì cụ Toán và cụ Kén đều không biết chữ, thực tế cũng không có việc này.

Theo đơn khởi kiện bà Th1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xem xét chia di sản thừa kế theo pháp luật 262m² đất theo quy định của pháp luật (đã trừ đi diện tích đất 108m² bà đã được tặng cho trong tổng diện tích đất 370m² đất của bố mẹ bà theo Giấy chứng nhận). Nay, do việc tặng cho không có giá trị pháp lý nên bà Th1 đề nghị chia thừa kế toàn bộ diện tích đất của bố mẹ bà để lại theo theo đo đạc thực tế là 383m². Chia theo pháp luật cho 6 kỷ phần, trong đó bà Th2 và ông L đã nhường quyền thừa kế cho bà. Bà đề nghị được hưởng đất nổi theo hiện trạng bà đang sử dụng, phần đất ao thì hưởng theo chiều mặt đường.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn là ông Trần Văn V trình bày:

Ông thống nhất với bà Th1 về quan hệ huyết thống, quan hệ gia đình và thời điểm hai cụ Toán, Kén, cũng như ông Toàn chết; thống nhất với việc bố mẹ ông có thừa đất như tại biên bản họp gia đình ngày 16/8/2004. Bố mẹ ông đã đồng ý cắt đất cho vợ chồng ông, có sự chứng kiến của toàn thể gia đình nhưng không đưa ra chính quyền xác nhận, làm thủ tục. Vợ chồng ông đã thực hiện

đúng Biên bản này, đã phục vụ bố mẹ khi chết, đã bỏ tiền ra mua kho gỗ làm quan tài cho bố mẹ. Ngoài ra, bố ông đã lập văn bản chuyển nhượng cho ông diện tích đất ao vào năm 2002 với giá 1.000.000 đồng. Ông thừa nhận bố ông ký thay mẹ ông trong văn bản bán ao. Nay không còn đất của bố mẹ ông để chia như bà Th1 trình bày. Ông cũng như những người mà ông đại diện vẫn giữ quan điểm là không bán, không chia để đất chung, ông dùng đất làm nơi thờ cúng bố mẹ. Đất bố mẹ ông cắt cho ông thì ông đã làm từ đường, bà Th1 chỉ được 108m² đất chứ không còn đất nào khác. Vì vậy, ông hoàn toàn không nhất trí với yêu cầu chia thừa kế của bà Th1. Trong trường hợp chia thừa kế thì các con ông Toàn, ông L đều nhường di sản thừa kế cho ông; ông đề nghị phá toàn bộ công trình trên đất đi để chia đôi đất mỗi bên hưởng một phần đất mặt đường.

Tại bản tự khai, bị đơn là ông Trần Ngọc L trình bày (cũng như thông qua người đại diện là ông Trần Văn V): Thống nhất với lời trình bày của ông Trần Văn V, nhất trí nhường toàn bộ quyền thừa kế cho ông V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th trình bày: Bà ở với bố mẹ bà đến năm 1968 thì bà đi lấy chồng. Tháng 7/2001, bà Th1 về nuôi bố mẹ và sống chung với bố mẹ bà, nuôi dưỡng bố mẹ bà. Khi bố mẹ ốm đau chỉ có bà và bà Th1 chăm sóc. Khi mẹ bà điều trị trong bệnh viện 6 tháng anh Trần Văn T, Trần Ngọc L và Trần Văn V không có trách nhiệm gì. Việc bố bà bán ao cho ông V 1.000.000đ là giả tạo và giả cả chữ ký. Bà thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của bà Th1, nhường quyền thừa kế của bà nếu được hưởng cho bà Th1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn L trình bày: Thống nhất với quan điểm của bà Th1 và nhường tài sản nếu được chia thừa kế cho bà Trần Thị Th1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Roãn Thị T, anh Trần Văn H, anh Trần Văn T, chị Trần Thị H, chị Trần Thị M và chị Trần Thị Th3 (cũng như thông qua người đại diện là ông Trần Văn V) trình bày: Đồng thống nhất với quan điểm của ông V và nhường toàn bộ quyền thừa kế từ cụ Trần Văn Toán, cụ Nguyễn Thị Kén cho ông V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị V: Thống nhất với lời trình bày của ông Trần Văn V.

Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

- Diện tích đất tại thửa 114, bản đồ 8 đo đạc là 383m²; trong đó ao là 114m²; còn lại là đất nổi. Công trình xây dựng trên đất có: ở phía Tây Bắc 01 nhà kiểu nhà để thờ cúng (mới xây thô, chưa hoàn thiện) xây năm 2018; ở phía Đông Bắc (giáp đường) có nhà bà Th1 xây năm 2015; phía Tây giáp nhà bà Th1 và nhà để ông V xây có phần mái tôn của bà Th1; phía giáp đất ông Hòa có nhà tạm bán mái; diện tích phần ngõ đi từ nhà ông V cắt qua thửa đất tranh chấp là 27m².

- Giá trị quyền sử dụng đất: Đất ở 500.000đ/m²; đất vườn, ao: 200.000đ/m².

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã B và qua hồ sơ địa chính cho thấy:

Nguồn gốc đất do cụ Toán sử dụng hợp pháp và sau này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bản đồ năm 1987, hộ cụ Trần Văn Toán có diện tích là 960 m² tại sổ thửa 131, tờ bản đồ số 15. Theo bản đồ đo đạc năm 1997, hộ cụ Trần Văn Toán có diện tích đất tại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 8 xã Giao Hải là 370 m², do một phần đã tách cho ông V 470 m² (không có văn bản tách, tặng cho), 1 phần do quy hoạch làm đường nên được cắt vào chỉ giới giao thông 120 m². Cụ Toán cắt đất cho ông V ở phía bên trong. Đến năm 1999 hộ cụ Trần Văn Toán được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 114, tờ bản đồ số 8 xã Giao Hải với diện tích đất 370 m² trong đó 180 m² đất ở, 190 m² đất ao. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp theo số liệu bản đồ địa chính, không đo đạc lại khi cấp. Diện tích đất 27m² được xác định là ngõ đi từ hộ ông V cắt qua đất tranh chấp (chia thửa đất thành hai phần riêng biệt: ao và đất nổi) thuộc vào diện tích đất 370m². Theo kết quả đo đạc thực địa ngày 17/01/2019 thì thửa đất có diện tích là 383m². Như vậy thửa 13m² (trong đó có phần các bên tách ra làm ngõ là 27 m²). Có sự chênh lệch số liệu này là do các bên xác định mốc giới mỗi lần đo đạc có thay đổi, một phần do sai số khi đo đạc.

Việc mua bán, tặng cho giữa hai cụ Toán và các con theo như các bên trình bày khi hòa giải tại UBND xã là do các bên tự xác định với nhau rồi viết tay với nhau, không có chứng thực cũng như đăng ký theo quy định. Ủy ban nhân dân xã không lưu văn bản nào liên quan đến việc mua bán, tặng cho giữa các bên; cũng không rõ việc cụ Toán có di chúc hay không.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa cũng đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các điều 650, 651 và 652 Bộ luật Dân sự; Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Văn Toán và cụ Nguyễn Thị Kén có 383m² đất. Phần đất ngõ 27m² tiếp tục sử dụng ngõ đi chung. Do các đồng thừa kế khác đã nhường quyền bà Th1, ông V (bà Th2, ông L nhường quyền cho bà Th1; ông L và các con của ông Toán nhường quyền cho ông V). Vì vậy, chia đôi đất còn lại cho bà Th1, ông V mỗi người một nửa trên cơ sở không ảnh hưởng đến các công trình kiên cố. Cụ thể phần đất nổi ông V được chia là 121m², bà Th1 được chia 121 m²; phần ao được chia cho mỗi bên sử dụng 57m² cắt theo chiều Đông Tây.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Trần Văn Toán (chết năm 2006), cụ Nguyễn Thị Kén (chết năm 2007), không có di chúc. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế (thời điểm người để lại di sản chết). Vì vậy, tính đến thời điểm này, những người thừa kế có quyền khởi kiện.

[2] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là quan hệ về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của cụ Trần Văn Toán và cụ Nguyễn Thị Kén.

[3] Có đủ căn cứ xác định: Cụ Trần Văn Toán và Nguyễn Thị Kén khi còn sống đã tạo lập diện tích đất đo đạc thực tế là 383m², gồm 180m² đất ở trị giá 90.000.000 đồng và 203m² đất ao trị giá 40.600.000 đồng, tổng trị giá 130.600.000 đồng. Vị trí đất tại thửa số 114, tờ bản đồ 8 bản đồ xã Giao Hải lập năm 1997, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số P440506 ngày 15/4/1999 cho chủ sử dụng hộ ông Trần Văn Toán từ năm 1999.

[4] Việc bà Trần Thị Th1, ông Trần Văn V đều xác định đã được cụ Toán, cụ Kén tặng cho đất là không có căn cứ chấp nhận, bởi: Chứng cứ là “Biên bản họp nội bộ gia đình” đề ngày 16/8/2004 không có chứng thực, không được làm thủ tục và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, nên vô hiệu về mặt hình thức theo quy định tại các điều 691 và 692 Bộ luật Dân sự năm 1995 (luật có hiệu lực tại thời điểm lập văn bản). Về nội dung của văn bản tặng cho cũng không rõ ràng, cụ thể, không có sơ đồ kèm theo; không có sự tham gia của cụ Nguyễn Thị Kén. Trên thực tế, khi còn sống cụ Toán cũng không thực hiện việc cắt cho đất theo văn bản này.

[5] Việc ông Trần Văn V, bà Trần Thị V xác định cụ Toán đã chuyển nhượng cho ông bà diện tích đất ao vào năm 2002 không được chấp nhận, bởi: Chứng cứ đưa ra là “Giấy viết tay” có nội dung bán ao ngày 05/5/2002 của cụ Trần Văn Toán nhưng ông V và bà Vụ không cung cấp được chứng cứ chứng minh chữ viết trong “Giấy viết tay” là của cụ Toán. Về hình thức, văn bản có nội dung chuyển nhượng đất ao này cũng không có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, không được làm thủ tục và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, nên vi phạm về mặt hình thức và không có hiệu lực theo quy định tại các điều 691 và 692 Bộ luật Dân sự năm 1995. Không có sự tham gia thỏa thuận của cụ Kén và chính ông V xác định: Cụ Toán đã ký thay cụ Kén vào trong văn bản này. Văn bản cũng không thể hiện vị trí ao.

[6] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở xác định diện tích đất 383m² đã nêu là di sản của cụ Trần Văn Toán và Nguyễn Thị Kén.

[7] Về việc xác định người thừa kế và kỹ phần thừa kế: Cụ Trần Văn Toán, chết năm 2006, và cụ Nguyễn Thị Kén chết năm 2007 đều không để lại di chúc hợp pháp. Do vậy, di sản được chia cho những người thừa kế còn sống tại

thời điểm mở thừa kế cho 6 người con là: Ông Trần Văn V, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Th, ông Trần Văn L, ông Trần Văn T1 (đã chết năm 2018) và bà Trần Thị Th1. Như vậy: Ông Trần Văn V, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Th, ông Trần Văn L, ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Th1 cùng hưởng chung di sản, mỗi kỹ phần tương đương 21.766.666 đồng(130.600.000 đồng/6) . Ông Toàn chết tháng 6/2018 nên vợ là bà Roãn Thị T và các con là: anh Trần Văn H; Trần Văn T; Trần Thị H; chị Trần Thị M; chị Trần Thị Th3 được hưởng phần di sản của ông Toàn là 1/6 di sản thừa kế của cụ Trần Văn Toán và cụ Nguyễn Thị Kén. Ông Trần Văn L và bà Trần Thị Th nhường lại quyền thừa kế cho bà Trần Thị Th1, vì thế bà Trần Thị Th1 được hưởng 3/6 di sản thừa kế. Ông Trần Ngọc L, bà Roãn Thị T và các con là: anh Trần Văn H, Trần Văn T, Trần Thị H, chị Trần Thị M, chị Trần Thị Th3 nhường quyền thừa kế cho ông Trần Văn V nên ông V cũng được hưởng 3/6 di sản thừa kế.

[8] Về việc phân chia di sản: Các đương sự không đề nghị về chi phí chăm sóc, mai táng cụ Toán và cụ Kén cũng như các chi phí khác liên quan đến thừa kế nên không xem xét điều chỉnh. Vì vậy, diện tích 383m² đất thừa kế được chia đôi cho ông V và bà Th1 trong đó có xem xét đến phần ngõ đang sử dụng chung; cụ thể như sau:

[8.1] Đối với phần đất ở phía Bắc có xây dựng công trình: Phần đất giáp đường bà Th1 đã xây nhà kiên cố từ năm 2015, không có sự phản đối của phía ông V cũng như các đồng thừa kế khác; Phần đất phía trong giáp thổ ông V, ông V đã xây dựng nhà với mục đích thờ cúng tổ tiên. Vì vậy, bà Th1 và ông V được cắt chia đất ở vị trí đang sử dụng trên cơ sở đảm bảo kết cấu cho các công trình kiên cố đã xây dựng.

[8.2] Đối với phần đất ao: Căn cứ vào quan điểm của các đương sự, ý nguyện của cụ Toán khi còn sống như các đương sự thừa nhận, để thuận tiện cho việc nuôi trồng thủy sản cũng mục đích sử dụng đất của đương sự; Hội đồng xét xử sẽ cắt chia phần đất giáp đường cho bà Th1, phần đất phía trong giáp ao của hộ ông V cho ông V.

[8.3] Đối với phần đất ngõ đi từ nhà ông V có diện tích 27m²: Để phù hợp với vị trí đất phân chia phân tích trên, cần cắt chia cho ông V phần ngõ phía bên trong giáp đất ông V. Phần đất phía giáp đường trước nhà của bà Th1 được sử dụng là ngõ chung của hộ Vinh và hộ bà Th1.

[9] Trên cơ sở tự nguyện của các đương sự, trên đất các đương sự đã xây dựng công trình, nếu không thuộc đất được chia thì có trách nhiệm tháo dỡ trả đất cho chủ sử dụng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo giá trị phần tài sản được nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điều 612, Điều 613, khoản 1 Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 100 và 188 Luật đất đai năm 2013;

1.1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Th1 chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Trần Văn Toán (chết năm 2006) và cụ Nguyễn Thị Kén (chết năm 2007).

1.2. Xác định di sản của cụ Trần Văn Toán và cụ Nguyễn Thị Kén có: Diện tích đất 383m² trị giá 130.600.000 đồng; vị trí thuộc Xóm 17, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; thửa số 114, tờ số 8, bản đồ xã Giao Hải lập năm 1997; đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P440506 ngày 15/4/1999.

1.3. Xác định người hưởng thừa kế của cụ Trần Văn Toán và cụ Nguyễn Thị Kén gồm: Ông Trần Văn V, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Th, ông Trần Văn L, ông Trần Văn T1 (đã chết năm 2018) và bà Trần Thị Th1. Ông Trần Văn T1 chết sau thời điểm mở thừa kế nên vợ là bà Roãn Thị T và các con là: anh Trần Văn H, Trần Văn T, Trần Thị H, chị Trần Thị M và chị Trần Thị Th3 được hưởng phần di sản của ông Toán được hưởng từ cụ Toán và cụ Kén.

1.4. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: Ông Trần Văn L và bà Trần Thị Th nhường quyền hưởng di sản cho bà Trần Thị Th1. Ông Trần Ngọc L, bà Roãn Thị T, anh Trần Văn H, Trần Văn T, Trần Thị H, chị Trần Thị M và chị Trần Thị Th3 nhường quyền hưởng di sản cho ông Trần Văn V.

1.5. Phân chia di sản:

* Bà Trần Thị Th1, bà Trần Thị Th được quyền sử dụng 185m² gồm 90m² đất ở và 95m² đất ao tại thửa số 114, tờ bản đồ số 8 xã Giao Hải lập năm 1997; trị giá 64.000.000đồng; có 02 phần được ngăn cách bởi ngõ đi chung; có tứ cận:

Phần 1 (đất có công trình xây dựng), có diện tích 125m²: Cạnh phía Bắc giáp đất hộ ông Hòa dài 5,9m; phía Đông giáp đường dài 19,9m; phía Nam giáp ngõ đi chung dài 6,4m; cạnh phía Tây giáp đất chia cho ông V dài 20,5m;

Phần 2 (ao), có diện tích 60m²: Cạnh phía Bắc giáp ngõ đi chung dài 5,3m; phía Đông giáp đường dài 11,7m; phía Nam giáp đất ông L dài 4,9m; phía Tây giáp ao chia cho ông V dài 12,3m.

* Ông Trần Văn V được quyền sử dụng 185m² gồm 90m² đất ở và 95m² đất ao tại thửa số 114, tờ bản đồ số 8 xã Giao Hải lập năm 1997; trị giá 64.000.000đồng, phần đất ở có tứ cận:

Phần 1 (đất có công trình xây dựng), có diện tích 131m²: Cạnh phía Bắc giáp đất hộ ông Hòa dài 5,2m; phía Đông giáp đất chia cho bà Th1 20,5m; phía Nam giáp ao dài 6,2m; cạnh phía Tây giáp đất hộ ông V dài 23,2m.

Phần 2 (ao), có diện tích 54m²: Cạnh phía Bắc giáp ngõ đi chung dài 4,4m; phía Đông giáp ao chia cho bà Th1 dài 12,3m; phía Nam giáp đất ông L dài 4,3m; phía Tây giáp ao hộ ông V dài 12,4m.

* Ông Trần Văn V và bà Trần Thị Th1 có quyền sử dụng chung ngõ đi diện tích 13m²; trị giá 2.600.000 đồng; có tứ cận như sau: Cận phía Bắc giáp đất bà Th1 6,4m; phía Đông giáp đường dài 2,1m; phía Nam giáp Ao dài 6,4m; phía Tây giáp đất chia cho ông V dài 2,1m.

(Có sơ đồ kèm theo).

* Các đương sự có trách nhiệm tháo dỡ công trình đã xây dựng trên đất không thuộc quyền sử dụng của mình trả lại đất cho chủ sử dụng.

* Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục hợp pháp hoá và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên đương sự;

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào: các điều 12, 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

Bà Trần Thị Th1 phải nộp 3.265.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000241 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; Bà Trần Thị Th1 còn phải nộp số tiền 265.000 đồng.

Ông Trần Văn V phải nộp 3.265.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã Giao Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên